

Bản án số: 13/2017/HC-ST
Ngày 21/11/2017.
V/v khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lang Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hồ Bá Võ.

- Ông Hồ Viết Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ an tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Duyên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 45/2016/HCST ngày 19/12/2016 về việc khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27a/2017/QĐXXST-HC ngày 29/9/2017, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Trọng Kh – Sinh năm 1941.

Trú tại: Xóm HT, xã KT, huyện YT, Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện được ủy quyền cho người khởi kiện: Ông Trần Văn K.

Trú quán: Khối VT, xã Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An (theo Giấy ủy quyền ngày 22/9/2016). Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Giấy ủy quyền số 25/UBND – GUQ ngày 22/8/2017). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã KT, huyện YT, Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Q – Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị Lân – Sinh năm 1942.

Trú tại: Xóm HT, xã KT, huyện YT, Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện được ủy quyền cho người khởi kiện: Ông Trần Văn K.

Trú quán: Khối VT, xã Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An (theo Giấy ủy quyền ngày 17/10/2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2008, thực hiện dự án nâng cấp đập Khe Cày, Ủy ban nhân dân huyện YT ban hành Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 về việc thu hồi đất tại xã KT, huyện YT với nội dung “ Điều 1: *Thu hồi diện tích là 5.777m² đất nông nghiệp (đất màu) thuộc đất công ích tại xã KT để phục vụ cho mục đích quy hoạch đất khu dân cư năm 2008 và quy hoạch tái định cư cho 07 hộ gia đình phải di chuyển ra khỏi lòng hồ Khe Cày (có danh sách kèm theo).... Cụ thể như sau:...* 2. *Quy hoạch tái định cư cho 07 hộ thuộc diện phải di dời khỏi lòng hồ Khe Cày: Tổng diện tích là 2.993m². Trong đó: Đất ở là 2.035m², đất chuyên dùng nội bộ là 688m², đất lưu không đường là 270m², số lô quy hoạch là 07 lô. Tại vị trí và xứ đồng sau: Đồng Cựa Kh diện tích 2.993m², gồm các thửa số 362, 364 tờ bản đồ số 2 theo trích sao bản đồ địa chính phòng Tài nguyên môi trường xác nhận ngày 08/7/2008...*”. Ủy ban nhân dân huyện YT ban hành quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ dân. Gia đình ông Nguyễn Trọng Kh được Ủy ban nhân dân xã KT chi trả tiền bồi thường cây cối, hoa màu trên đất số tiền: 3.784.000đ. Ngày 15/10/2008, gia đình ông Nguyễn Trọng Kh và 2 gia đình khác đã thỏa thuận bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân xã KT, huyện YT (có biên bản ngày 15/10/2008)

Ngày 19/4/2016, Ủy ban nhân dân huyện YT ban hành Quyết định số 2423/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008. Cụ thể như sau: ... “*Thu hồi 2.993m² đất nông nghiệp thuộc đất công ích do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý để quy hoạch đất ở năm 2008 (tái định cư cho 07 hộ gia đình phải di dời khỏi lòng hồ Khe Cày – xã KT, theo sơ đồ đo vẽ bổ sung do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện thực hiện, được UBND huyện phê duyệt ngày 08/7/2008;*

Giao UBND xã KT quản lý quỹ đất công ích còn lại và giám sát quỹ đất thu hồi theo quy định hiện hành...”.

Ông Nguyễn Trọng Kh cho rằng Quyết định trên đã xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông. Cụ thể trong tổng diện tích 2.993m² đất mà Ủy ban nhân dân huyện YT thu hồi thì có 1.293m² đất của ông có nguồn gốc do ông khai hoang và sử dụng từ năm 1950. Đây không phải là đất công ích của UBND xã KT mà là đất vườn ông sử dụng. Cho nên, ngày 26/9/2016, ông Nguyễn Trọng Kh có đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện YT. Buộc Ủy ban nhân dân huyện YT phải bồi thường quyền sử dụng 1.293m² cho ông.

Phía bên người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện YT trình bày: Thực hiện dự án nâng cấp đập Khe Cày, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 về việc thu hồi đất công ích tại xã KT, huyện YT với tổng diện tích là 5.777m². Nhưng do công tác quản lý đất công ích của Ủy ban nhân dân xã KT nên chưa giao được đất ở cho 6 hộ gia đình cá nhân. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện YT lại ban hành Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 sửa đổi bổ sung Điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008. Cụ thể thu hồi tổng diện tích 2.993m² đất nông nghiệp thuộc đất công ích do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý để bố trí tái định cư cho 7 hộ gia

đình di dời khỏi lòng hồ đập Khe Cày. Việc ban hành Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện YT sửa đổi bổ sung Điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Trọng Kh. nên Ủy ban nhân dân huyện YT vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Kh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã KT thống nhất với quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện YT. Đề nghị xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Kh.

Quá trình đối thoại, đại diện được ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Kh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Kh; Xử hủy một phần Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc sửa đổi bổ sung Điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 về việc thu hồi đất liên quan đến diện tích 1.293m² tại thửa số 364 (bản đồ 299) ông Nguyễn Trọng Kh đang sử dụng. Buộc Ủy ban nhân dân huyện YT phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Trọng Kh không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện YT phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án Hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về Đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc thu hồi đất. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng Hành chính.

1.2 Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/6/2016, ông Nguyễn Trọng Kh có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện YT thì đang trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng Hành chính. Cho nên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 bị khởi kiện thấy rằng:

2.1 Về thẩm quyền ban hành: Ngày 19/4/2016, Ủy ban nhân dân huyện YT ban hành Quyết định số 2423/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 có nội dung cụ thể như sau: “Thu hồi 2.993m² đất nông nghiệp thuộc đất công ích do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý để quy hoạch đất ở năm 2008...”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất: “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:...b, Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn...”. Xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện YT ban hành Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 để thu hồi đất nông nghiệp thuộc đất công ích của Ủy ban nhân dân xã KT là không đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với Quyết định Hành chính liên quan là Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc thu hồi đất công ích tại xã KT, huyện YT tại thời điểm năm 2008 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 38 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

2.2 Về cơ sở pháp lý: Ủy ban nhân dân huyện YT thu hồi diện tích 2.993m² đất tại Đồng Cựa Kh xác định là đất công ích do Ủy ban nhân xã KT quản lý. Ông Nguyễn Trọng Kh cho rằng diện tích đất này không phải đất công ích của Ủy ban nhân dân xã KT. Trong tổng diện tích 2.993m² đất bị thu hồi thì có 1.293m² là đất khai hoang của gia đình ông từ năm 1950 đến nay, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi thu hồi thì đủ điều kiện để được bồi thường đất theo quy định pháp luật.

Xét thấy: Qua các tài liệu có tại hồ sơ: Theo bản đồ 299 thể hiện thửa số 364 có diện tích 5.814m² (Đồng Dấp) ký hiệu là H (đất hoang) do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý. Sổ đăng ký ruộng đất năm 1985 thể hiện tên chủ sử dụng đất: Đội 5. Không có tài liệu phản ánh ông Nguyễn Trọng Kh đăng ký sử dụng diện tích 1.293m² đất tại thửa đất số 364 (bản đồ 299).

Năm 2003, thực hiện Chỉ thị 02/CT của Ban thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về việc dồn điền đổi thửa, khuyến khích tích tụ ruộng đất, Ủy ban nhân dân xã KT đã đưa toàn bộ diện tích đất khai hoang trong toàn xã vào quy hoạch, quản lý. Tuy nhiên, trên thực tế công tác quản lý chưa chặt chẽ, thửa đất số 364 (bản

đồ 299) vẫn còn nhiều hộ dân sản xuất trồng màu, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Trọng Kh. Khi thu hồi đất năm 2008, ông Nguyễn Trọng Kh vẫn đang sử dụng phần đất công ích do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý. Ủy ban nhân dân huyện YT đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và Ủy ban nhân dân xã KT đã chi trả bồi thường cây cối, hoa màu trên đất cho ông Nguyễn Trọng Kh, ông Nguyễn Trọng Kh đã bàn giao đất lại cho chính quyền quản lý. Do đó, Quyết định 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 và Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện YT thu hồi diện tích 2.993m² đất vùng Cựa Kh (trong đó có diện tích 1.293m² đất ông Kh đang sản xuất) xác định đất nông nghiệp thuộc đất công ích của Ủy ban nhân dân xã KT quản lý là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu được bồi thường đất của ông Nguyễn Trọng Kh thấy rằng: Theo phản ánh của chính quyền địa phương, Biên bản làm việc ngày 28/9/2016 giữa Ủy ban nhân dân xã KT và ông Nguyễn Trọng Kh thì khi thu hồi đất, ông Nguyễn Trọng Kh vẫn đang sản xuất trên diện tích 1.293m² đất tại thửa đất số 364 (bản đồ 299) từ năm 1983, quá trình sử dụng đất cho đến khi bị thu hồi đất (năm 2008) ông Nguyễn Trọng Kh không đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trên thực tế ông Nguyễn Trọng Kh sử dụng đất từ trước đến nay không có tranh chấp, khi thu hồi đất ông Nguyễn Trọng Kh đã được bồi thường cây cối, hoa màu trên đất, còn về đất chưa được cấp có thẩm quyền xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng để bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Trọng Kh.

Theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 quy định “ 2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”.

Theo Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Điều 24 quy định về việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn “...Trường hợp đất thu hồi thuộc đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ cao nhất có thể bằng mức bồi thường...” ; Điều 25 quy định hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi nhà nước Thu hồi đất “ Trường hợp hộ gia đình cá nhân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện để bồi thường theo quy định điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp theo thực tế địa phương”;

Tại Quyết định 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An: Điều 26 quy định “ Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định điều 24 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong đó được hỗ trợ bằng tiền và mức hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành.

Trong đó hộ gia đình cá nhân sử dụng đất có nguồn gốc do nhận thâu, nhận khoán hoặc thuê đất công ích của Ủy ban nhân dân cấp xã thì được bồi thường giá trị chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định pháp luật”. Căn cứ vào các quy định pháp luật thì ông Nguyễn Trọng Kh cần được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Xét thấy: Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện YT ban hành không đúng thẩm quyền cần được hủy bỏ một phần liên quan đến diện tích 1.293m² đất ông Nguyễn Trọng Kh đang sử dụng sản xuất. Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện YT xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Nguyễn Trọng Kh theo quy định của pháp luật.

Đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất là quyết định hành chính liên quan nhưng ông Nguyễn Trọng Kh không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Trọng Kh không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật. Người bị kiện phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; điểm b khoản 1 Điều 66, Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 24, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 26 Quyết định 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Kh. Hủy một phần Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc thu hồi đất công ích tại xã KT liên quan diện tích 1.293m² trong tổng số diện tích 2.993m² tại thửa số 364 (bản đồ 299) tại xã KT, huyện YT, Nghệ An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện YT, tỉnh Nghệ An phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện YT phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hành chính sơ thẩm;

Ông Nguyễn Trọng Kh không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm. Trả lại 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Trọng Kh đã

nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (tại biên lai số 0000666 ngày 02/12/2016).

Người khởi kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lang Thị Duyên